TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân

Ông Lý Đức Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Tùng Kháng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Ngân T (Trần Thị T), sinh năm 1973 (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trương Thanh H, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2017 của chị T và tại phiên tòa, chị T trình bày: Vào năm 2008 chị và anh H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Xét cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung có 02 người tên là Trương Mai P, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009 và Trương Tố T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2016 do chị nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu nuôi hai người con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của chị T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị T và anh H là vợ chồng. Giao 02 người con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con. Chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện anh H về ly hôn, tranh chấp nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, anh H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị T và anh H kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh, chị không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, không công nhận chị T và anh H là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3] Về con chung tên là Trương Mai P, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009 và Trương Tố T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2016 do chị T đang nuôi dưỡng. Đồng thời, chị T yêu cầu nuôi 02 người con chung và nguyện vọng của Trương Mai P muốn sống với chị T. Đối với yêu cầu này anh H không có ý kiến, Tòa án tiến hành ghi lời khai thì không làm việc được với anh H. Từ đó, giao chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Chị T xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 14, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Ngân Tvà anh Trương Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung, giao chị Trần Thị Ngân T trực tiếp nuôi dưỡng Trương Mai P, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2009 và Trương Tố T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2016. Anh Trương Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trương Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Trần Thị Ngân T chịu toàn bộ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006883, ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Như vậy chị Trần Thị Ngân T không còn phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mỹ Nhi